TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. HÀ NỘI** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc _____

Bản án số**: 319**/2019/DPST
Ngày 24/10/2019
V/v Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy

Các Thẩm phán: Ông Vũ Viết Văn

Ông Mai Tiến Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Phương– Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 279/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc *"Tranh chấp thừa kế "* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 327/2019/QĐXX-DS ngày 07 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 373/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thoa, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 2 Lò Đúc, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị Minh, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 18 ngách 6/100, tổ 1, phố Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1.**Bà Trần Thị Bình,** sinh năm 1950. Địa chỉ: Số 434 phố Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

3.2. **Bà Trần Thị Hạnh,** sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 16 Lê Quý Đôn, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3.3. **Bà Trần Thị Thảo**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

3.4. **Ông Trần Quang Quế,** sinh năm 1947. Địa chỉ: Xóm trại, thôn Phù Lưu Thượng, xã Phù Lưu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

3.5. **Chị Trần Bích Ngọc,** sinh năm 1995. Địa chỉ cư trú: Số nhà 17 ngõ 299

phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**.**

3.6. **Chị Trần Huyền Trang,** sinh năm 1999. Địa chỉ cư trú: Số 49 Phú Xá, phường Phú Xá, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

3.7. **Cháu Trần Kim Thu**, sinh năm 2006 (do bà Ngô Thị Minh đại diện).

Người kháng cáo: Bà Ngô Thị Minh_ Là bị đơn

(Bà Thoa, bà Thảo, bà Hạnh, bà Minh, chị Ngọc có mặt. Ông Quế, bà Bình, chị Trang vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 4 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16 tháng 5 năm 2018 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trần Thị Thoa, bà Trần Thị Hạnh, bà Trần Thị Thảo thống nhất trình bày:

Bố mẹ các bà là cụ Trần Quang Phúc (mất năm 2002) và cụ Nguyễn Thị Quý (mất năm 2004) không để lại di chúc.

Cụ Phúc và cụ Quý có 05 người con chung, gồm: bà Trần Thị Bình, sinh năm 1950; ông Trần Trung Kiên, sinh năm 1958 (mất năm 2016), bà Trần Thị Thoa; sinh năm 1960; bà Trần Thị Hạnh; sinh năm 1963; bà Trần Thị Thảo; sinh năm 1965 và cụ Phúc có 01 người con riêng là ông Trần Quang Quế, sinh năm 1947.

Ông Trần Trung Kiên mất năm 2016 có vợ là bà Ngô Thị Minh và 03 người con chung với bà Minh là : anh Trần Ngọc Khánh (mất năm 2015, có 01 con là cháu Trần Kim Thu), anh Trần Văn Thành (mất năm 2011); chị Trần Bích Ngọc; ngoài ra ông Trần Trung Kiên có con riêng là cháu Trần Huyền Trang.

Di sản của bố mẹ các bà để lại là nhà đất tại địa chỉ số 142b, tổ 1 xóm 1 Vĩnh Phúc nay là số 18 ngách 6/100 tổ 1 Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, chưa được cấp giấy chứng nhận vì gia đình chưa làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận.

Khoảng năm 1998-1999 bố mẹ các bà xây nhà một tầng, một tum như hiện nay. Tiền xây dựng nhà là của bố mẹ bà bỏ ra, anh chị em không có ai đóng góp gì cả. Tổng diện tích xây dựng nhà trên đất khoảng 58m^2. Khi xây lại ngôi nhà đó thì không xin phép xây dựng.

Vợ chồng ông Kiên, bà Minh sinh sống tại ngôi nhà đó cùng với bố mẹ. Quá trình ở vợ chồng anh Kiên không có công sức đóng góp gì cùng với bố mẹ, tiền xây dựng hoàn toàn là tiền các cụ bán một phần đất đi.

Năm 2004, sau khi các cụ chết thì vợ chồng ông Kiên vẫn ở đó. Nhiều ông Kiên đặt vấn đề với chị em cho bán ngôi nhà đó đi để lấy tiền chi tiêu, nuôi con. Nhưng chị em không đồng ý. Tuy nhiên, chị em có họp gia đình và thống nhất là bà Bình sẽ hỗ trợ cho ông Kiên 5.000.000 đồng/tháng để nuôi con với điều kiện không được đòi bán ngôi nhà

này đi, mà nhà này chỉ để làm nơi thờ cúng, đổi lại mỗi tháng bà Bình hỗ trợ ông Kiên 5.000.000 đồng đến khi ông Kiên mất.

Khi bố mẹ các bà còn sống thì các cụ đóng thuế quyền sử dụng đất. Sau khi bố mẹ các bà mất đi thì ông Kiên đóng thuế quyền sử dụng đất.

Bà Trần Thị Bình cùng ông Trần Quang Quế khước từ không nhận di sản thừa kế do bố mẹ để lại.

Do vợ ông Kiên là bà Minh không chu toàn trong việc giỗ, tết nên các bà đề nghị Tòa án chia thừa kế căn nhà trên theo pháp luật. Các bà xin chia bằng hiện vật chung vào một khối để làm nhà thờ bố mẹ, ngoài ra không còn nguyện vọng nào khác.

Mái tôn trên tầng 2 do chị Ngọc con bà Minh làm thì các bà tự nguyện trả tiền làm mái tôn cho chị Ngọc là 20.850.000 đồng.

Bị đơn là bà Ngô Thị Minh trình bày:

Về quan hệ huyết thống và ngày mất của bố, mẹ chồng bà bà xác nhận đúng như trình bày của nguyên đơn.

Vợ chồng bà ở cùng bố mẹ chồng tại địa chỉ số 18 ngách 6/100 tổ 1 Vĩnh Phúc quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, nhà đất chưa có sổ đỏ. Khi mất ông bà nói rằng nhà trong quê là của con trai riêng (ông Trần Quang Quế), nhà ngoài Hà Nội chính là ngôi nhà số 18 ngách 6/100 tổ 1 Vĩnh Phúc là của ông Trần Trung Kiên.

Từ năm 1989 đến nay chỉ có ông bà và gia đình bà ở trên mảnh đất này và không có cô nào ở cùng.

Đến nay, chồng bà và hai con trai bà đã mất ,chỉ còn bà và cháu gái Trần Kim Thu sống tại căn nhà này. Quá trình ở vợ chồng bà có công tôn tạo. Đến nay chồng bà mất, các cô đòi chia, bản thân bà bị bệnh hay ốm đau nhiều, bà mong muốn để bà cháu bà được sống trên mảnh đất này đến khi cháu khôn lớn.

Trong trường hợp phải chia thừa kế thì gia đình bà xin được hưởng bằng nhà đất để có chỗ ở. Bà không có tiền để nhận toàn bộ nhà và thanh toán cho các thừa kế khác. Do hoản cảnh kinh tế khó khăn nên bà xin miễn án phí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Bích Ngọc trình bày:

Chị nhất trí với ý kiến của mẹ chị là xin được hưởng bằng nhà đất và mong muốn các cô của chị có thể làm theo như những gì đã thỏa thuận trong cuộc họp gia đình là để tầng 1 cho mẹ chị và cháu Trần Kim Thu sinh sống, còn tầng 2 làm nhà thờ tổ tiên, ông bà và để làm nơi cúng giỗ khi đến ngày giỗ tết. Chị và mẹ cùng em chị là Trần Huyền Trang xin chia chung vào một khối vì gia đình chị là hộ nghèo không có thu nhập để có thể chi trả tiền cho các thừa kế khác.

Năm 2017 chị có làm mái tôn trên tầng 2 hết 20.850.000 đồng, nếu phải chia thừa kế thì các cô phải trả chị số tiền này.

Bà Trần Thị Bình trình bày:

Bà đã có đơn xin khước từ hưởng di sản thừa kế của bố mẹ. Nay bà xin được vắng

mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án, đề nghị Tòa án không báo gọi bà đến Tòa án nữa.

Ông Trần Quang Quế trình bày:

Ông là con riêng của cụ Trần Quang Phúc (mất năm 2002), không để lại di chúc.

Nay có việc anh chị em chia thừa kế di sản của cụ Trần Quang Phúc và bà Nguyễn Thị Quý theo quy định của pháp luật. Ông đã có đơn xin khước từ hưởng di sản thừa kế của bố ông là cụ Phúc và xin được vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án, đề nghị Tòa án không báo gọi ông đến Tòa án nữa.

Bản án sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án quận Ba Đình xử:

I, Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Trần Thị Thoa

đối với bà Ngô Thị Minh.

II/ Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Quang Phúc và cụ Nguyễn Thị Quý gồm:

1, Ông Trần Quang Quế, sinh năm 1947(con riêng cụ Phúc)

2, Bà Trần Thị Bình, sinh năm 1950;

3, Bà Trần Thị Thoa; sinh năm 1960

4, Bà Trần Thị Hạnh; sinh năm 1963

5, Bà Trần Thị Thảo; sinh năm 1965

6, Ông Trần Trung Kiên, sinh năm 1958 (chết năm 2016), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Kiên là bà Ngô Thị Minh và 02 con là chị Trần Bích Ngọc, chị Trần Huyền Trang,

Bà Trần Thị Bình và ông Trần Quang Quế xin khước từ hưởng thừa kế.

III/ Xác định di sản thừa kế của cụ Trần Quang Phúc và cụ Nguyễn Thị Quý để lại tại số 142b, tổ 1 xóm 1 Vĩnh Phúc, phường Cống Vị (nay là số 18 ngách 6/100 tổ 1 Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (thuộc một phần thửa đất số 54 tờ bản đồ 8E-IV-21).

IV/ Thời điểm mở thừa kế của cụ Trần Quang Phúc là năm 2002 và cụ Nguyễn Thị Quý là năm 2004.

V/ Xác định di sản thừa kế của cụ Trần Quang Phúc và cụ Nguyễn Thị Quý có giá trị 3.103.076.930 đồng (ba tỷ, một trăm linh ba triệu, không trăm bảy sáu nghìn, chín trăm ba mươi đồng).

Chia giá trị: 3.103.076.930 đồng : 4,5 (4 kỷ phần thừa kế + 0,5 phần công sức) = 689.572.651đồng (sáu trăm tám chín triệu, năm trăm bảy hai nghìn, sáu trăm năm mốt đồng).

Xác định mỗi kỷ phần thừa kế của cụ Phúc và cụ Quý là 689.572.651đồng (sáu trăm tám chín triệu, năm trăm bảy hai nghìn, sáu trăm năm mốt đồng).

VI/ Trích công sức bảo quản di sản:

- Trích công sức cho ông Kiên do các thừa kế của ông Kiên là bà Minh, chị Trang, chị Ngọc ½ kỷ phần thừa kế là 344.786.307đồng (ba trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm linh bảy đồng).

Các thừa kế của ông Trần Trung Kiên là bà Ngô Thị Minh, chị Trần Bích Ngọc, chị Trần HuyềnTrang được hưởng một kỷ phần thừa kế và công sức giữ gìn bảo quản di sản, tổng cộng 1.034.358.958 đồng (một tỷ, không trăm ba mươi tư triệu, ba trăm năm tám nghìn, chín trăm năm tám đồng).

Bà Trần Thị Thoa, bà Trần Thị Hạnh, bà Trần Thị Thảo mỗi người được hưởng một kỷ phần 689.572.651đồng (sáu trăm tám chín triệu, năm trăm bảy hai nghìn, sáu trăm năm mốt đồng). Tổng ba người là 2.068.717.953 đồng (hai tỷ, không trăm sáu tám triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, chín trăm năm ba đồng).

VII/ Chia hiện vật: (có sơ đồ kèm theo bản án).

Chia cho bà Trần Thị Thoa, bà Trần Thị Hạnh, bà Trần Thị Thảo chung một khối là 38,244m2 nhà đất bên tay phải mặt ngách 6/100 Vĩnh Phúc, có chiều dài 7,7m, chiều rộng mặt tiền 4,966m. Trên phần nhà đất được chia có công trình xây dựng gồm: một phần nhà tầng 1, bếp và vệ sinh tầng 1, vệ sinh tầng tum, ban công tầng tum, một phần phòng thờ trên tum, được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,7,8).

Chia cho các thừa kế của ông Trần Trung Kiên là bà Ngô Thị Minh, chị Trần Bích Ngọc, chị Trần HuyềnTrang phần nhà đất còn lại 19,122m2, trên phần nhà đất được chia có 1 phần phòng thờ trên tum. Phần diện tích nhà đất này có vị trí liền kề phần diện tích nhà đất đã chia cho bà Trần Thị Thoa, bà Trần Thị Hạnh, bà Trần Thị Thảo, được giới hạn bởi các điểm (7,4,5,6).

Chi phí xây ngăn chia phần diện tích được chia giữa nhà đất của bà Trần Thị Thoa, bà Trần Thị Hạnh, bà Trần Thị Thảo và nhà đất của các thừa kế của ông Trần Trung Kiên là bà Ngô Thị Minh, chị Trần Bích Ngọc, chị Trần HuyềnTrang do bà Trần Thị Thoa, bà Trần Thị Hạnh, bà Trần Thị Thảo chịu.

VIII/ Thanh toán chênh lệnh:

Các thừa kế của ông Trần Trung Kiên là bà Ngô Thị Minh, chị Trần Bích Ngọc, chị Trần HuyềnTrang phải cùng liên đới thanh toán cho bà Trần Thị Thoa, bà Trần Thị Hạnh, bà Trần Thị Thảo 16.718.865 đồng (mười sáu triệu, bảy trăm mười tám nghìn, tám trăm sáu lăm đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Thoa, bà Trần Thị Hạnh, bà Trần Thị Thảo tự nguyện cùng liên đới thanh toán cho chị Trần Bích Ngọc 20.850.000đồng (hai mươi triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) chi phí làm mái tôn và được sử dụng 31m2 mái lợp tôn trên sân tầng tum.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và lãi suất chậm thi hành án.

Không đồng ý bản án sơ thẩm, bà Minh kháng cáo đề nghị tăng công sức đóng góp cho vợ chồng bà, đè nghị tăng phần chia hiện vật nhà đất cho bà.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không hòa giải được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Hà Nội phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện VKS đề nghị: căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS, sửa một phần bản án sơ thẩm: đưa cháu Thu là thừa kế thế vị của anh Khánh vào chung kỷ phần của bà Minh, chị Trang, chị Ngọc, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Minh, chi nhà đất theo chiều thẳng đứng từ trên xuống cho bà Minh và các thừa kế của ông Kiên tại vị trí như bản án sơ thẩm chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát NDTP Hà Nội, HĐXX phúc thẩm Tòa án NDTP Hà Nội nhận định:

1.Về hàng thừa kế:

Cụ Trần Quang Phúc (mất năm 2002) và cụ Nguyễn Thị Quý (mất năm 2004), hai cụ có 05 người con chung, 01 con riêng gồm:

1, Ông Trần Quang Quế (con riêng của cụ Phúc).

2, Bà Trần Thị Bình

3, Ông Trần Trung Kiên (mất năm 2016), có vợ là bà Ngô Thị Minh và 03 người con chung là: anh Trần Ngọc Khánh (mất năm 2015) có 01 con là cháu Trần Kim Thu; anh Trần Văn Thành (mất năm 2011); chị Trần Bích Ngọc; ngoài ra ông Trần Trung Kiên có con riêng là cháu Trần Huyền Trang.

4, Bà Trần Thị Thoa

5, Bà Trần Thị Hạnh

6, Bà Trần Thị Thảo

Bản án sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phúc và cụ Quý gồm 06 người con là bà Trần Thị Bình, bà Trần Thị Thoa, bà Trần Thị Hạnh, bà Trần Thị Thảo, ông Trần Quang Quế và các thừa kế của ông Trần Trung Kiên (là bà Ngô Thị Minh, chị Trần Bích Ngọc, chị Trần Huyền Trang) là đúng nhưng chưa đầy đủ vì anh Khánh chết trước ông Kiên nên cháu Thu con anh Khánh được hưởng thừa kế thế vị phần của anh Khánh được hưởng của ông Kiên. Do đó, cháu Thu cũng được coi là đồng thừa kế của ông Kiên cùng bà Minh, chị Ngọc, chị Trang. Bản án sơ thẩm đưa cháu Thu tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không cho cháu hưởng thừa kế phần của ông Kiên là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của cháu.

2. Về di sản thừa kế:

Bản án sơ thẩm xác định toàn bộ nhà, đất tranh chấp tại số nhà 142b, tổ 1, xóm 1 Vĩnh Phúc, phường Cống Vị (nay là số 18 ngách 6/100 tổ 1 Vĩnh Phúc) quận Ba Đình,

thành phố Hà Nội là di sản thừa kế của cụ Quý, Phúc để lại là có căn cứ, các đương sự không kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị về vấn đề này.

Về số đo diện tích nhà, đất: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án quận Ba Đình tiến hành xác định diện tích đất tranh chấp là 57,37 m2 trong đó có chiều rộng mặt ngõ là 7 mét, chiều dài 7,7 m. Tuy nhiên, việc đo đạc diện tích đất của Tòa ba Đình bằng tay nên không chính xác. Tại cấp phúc thẩm, phía nguyên đơn có yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, đo đạc lại diện tích đất. Tòa án đã mới Công ty CPphát triển công nghệ đo đạc và bản đồ Hà Nội tiến hành đo, vẽ lại diện tích đất tranh chấp. Tại sơ đồ kỹ thuật thửa đất do Công ty CPPT công nghệ đo đạc và bản đồ Hà Nội thực hiện thể hiện diện tích đất tranh chấp là 57,8 m2, có chiều rộng mặt ngõ là 7,32 mét, chiều dài một cạnh là 7,93 m, 1 cạnh là 8,22 m. Theo xác nhận của UBND phường Vạn Phúc thì diện tích đất này gia đình cụ Phúc sử dụng từ trước đến nay, ổn định và không có tranh chấp với các hộ dân sống liền kề, không vào quy hoạch. Do đó, thấy cần chấp nhận diện tích đất 57,8 m2 trên có nhà xây 01 tầng và 01 tum là di sản thừa kế của cụ Quý, cụ Phúc để lại có tổng trị giá là:

+ Giá đất: 57,8 m2 x 50.000.000đ/m2

+ Trị giá công trình xây dựng: 234.596.000 đ

Tổng cộng là: 3.124.596.000 đồng

3. Về công sức của vợ chồng bà Minh ông Kiên: Bản án sơ thẩm đánh giá công sức của vợ chồng bà Minh bằng ½ một kỷ phần thừa kế. Bà Minh có kháng cáo đề nghị tính tăng công sức.

Tại cấp phúc thẩm, bà Minh không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà.

Hội đồng xét xử thấy, không có căn cứ để tính tăng phần công sức đóng góp cho vợ chồng bà Minh nên giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm đánh giá công sức của vợ chồng bà Minh bằng ½ một kỷ phần thừa kế.

4. Việc chia thừa kế được thực hiện như sau:

Xác định thời điểm mở thừa kế chung của cụ Phúc và cụ Quý là năm 2004.

Chia di sản của cụ Phúc, Quý làm 4,5 kỷ phần cho bà Thoa, abf Hạnh, bà Thảo và các thừa kế của ông Kiên, trong đó các thừa kế của ông Kiên là bà Minh, chị Ngọc, chị Trang và cháu Thu được nhận 1,5 kỷ phần.

Cụ thể: 3.124.596.000 đồng : 4,5 = 694.354.667.000 đồng.

- Kỷ phần của bà Minh, chị Ngọc, chị Trang và cháu Thu là: 694.354.667.000 đồng x 1,5 = 1.041.532.000 đồng

- Kỷ phần của bà Thoa, bà Hạnh, bà Thảo là: 694.354.667.000 đồng x3 = 2.083.064.000 đồng.

5. Về phần chia hiện vật:

Bản án sơ thẩm căn cứ vào nhu cầu sử dụng nhà, đất của mỗi bên, vào kỷ phần các bên được hưởng và hiện trạng nhà, đất đã chia hiện vật cho các bên đương sự là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay, bà Minh vẫn giữ yêu cầu được chia vào vị trí có nhà mà

không có bếp và công trình vệ sinh, cầu thang như bản án sơ thẩm chia; bà đề nghị được chia theo chiều thẳng đứng từ trên xuống theo dọc nhà và bà sẽ tự làm công trình vệ sinh, bếp, cầu thang lên tum tại phần diện tích được chia. Phía các bà Thoa, Hnahj, Thảo cũng nhất trí chia thẳng đứng theo chiều dọc nhà cho các bên.

Nhận thấy, bản án sơ thẩm chia cho bà Minh và các đồng thừa kế của ông Kiên một phàn diện tích nhà đất phía bên tay trái từ ngoài đường ngõ nhìn vào và chỉ chia cho bà Minh và các đồng thừa kế của ông Kiên phần diện tích tầng 1 và một phần phòng thờ tầng tum nhưng không ghi rõ vị trí phòng thờ tầng tum và không chia cho bà Minh và các thừa kế của ông Kiên diện tích ban công phía trước phòng thờ gây khó khăn trong việc sử dụng của các bên.

Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Minh và sự thống nhất về cách chia của tất cả các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay: chia theo chiều thẳng đứng dọc nhà từ trên xuống dưới cho các bên đương sự.

Cụ thể: Chia cho bà Minh và các thừa kế của ông Kiên chung nhau phần diện tích nhà, đất phía tay trái từ ngõ nhìn vào có chiều rộng mặt ngõ là 2,5 mét kéo thẳng theo chiều dọc nhà đến cuối đất, có diện tích là 20 m2 (Tầng tum phần diện tích phòng thờ là 10,3 m2, sân 9,7 m2). Trị giá phần nhà, đất các thừa kế của ông Kiên được hưởng là: (20 m2 x 50.000.000 đồng/m2 = 1.000.000.000 đ) +[30,3 m3 (phần công trình nhà)x 5.393.317 đồng/m2 x 60%] =1.098.050.500 đồng.

So với kỷ phần được hưởng là 1.041.532.000 đồng, bà Minh và các đồng thừa kế của ông Kiên phải thanh toán lại cho bà Thoa, bà Hạnh, bà Thảo là 1.098.050.500 đồng - 1.041.532.000 đồng = 56.518.500 đồng.

Phần diện tích đất 37,8 m2 và phần nhà, các công trình trên diện tích đất 37,8 m2 còn lại chia cho bà Thoa, bà Hạnh, bà Thảo sở hữu, sử dụng chung (có sơ đồ phân chia kèm theo).

6. Về mái lợp tôn tầng hai: Phần chia cho bà Minh và các thừa kế của ông Kiên có diện tích mái tôn do chị Ngọc làm là 9,7 m2; phần chia cho bà Thoa, bà Thảo, bà Hạnh có phần mái tôn là 20,3 m2 trị giá 20,3 m2 x 400.517đồng/m2 = 16.504.051 đồng, các bà Thoa, Hạnh, Thảo phải thanh toán lại cho chị Ngọc.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Thảo đồng ý khấu trừ số tiền các bà Hạnh, Thoa, Thảo phải thanh toán tiền trị giá phần mái tôn cho chị vào phần tiền chênh lệch mà mẹ con chị phải thanh toán lại cho các bà Hạnh, Thoa, Thảo. Đối trừ nghĩa vụ thanh toán cho nhau, bà Minh, chị Ngọc, chị Trang phải thanh toán lại cho các bà Hạnh, Thoa, Thảo số tiền là 40.014.441 đồng.

7. Hệ thống điện, nước các bà Thoa, Hạnh, Thảo phải có trách nhiệm làm mới trên phần đất mình được chia và chuyển hệ thống nước, điện cũ sang phần nhà, đất bà Minh và các thừa kế của ông Kiên được chia.

8. Về án phí DSST: Các bà Thoa, Hạnh, Thảo mỗi người phải chịu số tiền án phí theo kỷ phần mình được hưởng là: 31.774.000 đồng. Ghi nhận bà Thoa đã nộp 30.000.000 đồng tạm ứng án phí, bà còn nộp tiếp 1. 774.000 đồng.

Miễn án phí cho bà Minh. Chị Ngọc, chị Trang và cháu Thu (do bà Minh đại diện) phải liên đới chịu tổng số tiền án phí là: 29.000.000 đồng.

9. Về án phí DSPT: Do bản án sơ thẩm bị sửa một phần nên người kháng cáo là bà Minh không phải chịu án phí phúc thẩm, bà được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYT ĐNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS

Sửa một phần bản án sơ thẩm và xử như sau:

Căn cứ vào các Điều 612; Điều 617; Điều 618; Điều 620; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Trần Thị Thoa đối với bà Ngô Thị Minh.

2. Xác định diện tích 57,8 m2 đất và tài sản gắn liền với đất có tổng giá trị là 3.124.596.000 đồng *(Ba tỷ, một trăm hai tư triệu, năm trăm chín sáu ngàn đồng*) tại số 142b, tổ 1 xóm 1 Vĩnh Phúc, phường Cống Vị (nay là số 18 ngách 6/100 tổ 1 Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (thuộc một phần thửa đất số 54 tờ bản đồ 8E-IV-21) là di sản thừa kế của cụ Trần Quang Phúc và cụ Nguyễn Thị Quý.

3. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Trần Quang Phúc là năm 2002 và cụ Nguyễn Thị Quý là năm 2004.Thời ddiemr mở thừa ké chung của 2 cụ là năm 2004.

4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Quang Phúc và cụ Nguyễn Thị Quý gồm: Ông Trần Quang Quế, bà Trần Thị Bình, bà Trần Thị Thoa, bà Trần Thị Hạnh, bà Trần Thị Thảo, ông Trần Trung Kiên.

5. Xác nhận bà Trần Thị Bình và ông Trần Quang Quế khước từ hưởng thừa kế.

6. Xác định công sức đóng góp vào khối di sản của vợ chồng ông Kiên, bà Minh bằng ½ kỷ phần thừa kế.

7. Chia bằng giá trị di sản thừa kế của cụ Phúc, cụ Quý làm 4,5 kỷ phần.

- Bà Thoa, bà Hạnh, bà Thảo mỗi người dược hưởng 01 kỷ phần, ông Kiên được hưởng 1,5 kỷ phần.

Cụ thể: Bà Thoa, bà Hạnh, bà Thảo mỗi người được hưởng (3.124.596.000 đồng : 4,5) = 694.354.667.000 đồng. Tổng cộng kỷ phàn của 03 bà là 2.083.064.000 đồng (*hai tỷ không trăm tám mươi ba triệu, không trăm sáu tư ngàn đồng)*

Kỷ phần của ông Kiên là: 694.354.667.000 đồng x 1,5 = 1.041.532.000 đồng (*một tỷ, khong trăm bốn mươi mốt triệu, năm trăm ba hai ngàn đồng)*

- Ông Trần Trung Kiên (chết năm 2016), các thừa kế của ông Kiên là bà Minh, chị Ngọc, chị Trang và cháu Thu được hưởng.

7. Chia hiện vật:

Chia theo chiều thẳng đứng từ tầng tum xuống tầng 1, chạy dọc theo phần nhà, đất mặt ngõ cho hai bên đương sự. (có sơ đồ kèm theo bản án).

Cụ thể:

7.1. Chia cho các thừa kế của ông Trần Trung Kiên là bà Ngô Thị Minh, chị Trần Bích Ngọc, chị Trần HuyềnTrang, cháu Trần Kim Thu được quyền sử dụng diện tích đất phía bên tay trái từ ngoài ngõ nhìn vào, có chiều rộng mặt ngõ là 2,5 m, có diện tích là 20 m2 (giới hạn bởi các điểm 1,1',3,3',1 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án). Bà Ngô Thị Minh, chị Trần Bích Ngọc, chị Trần HuyềnTrang, cháu Trần Kim Thu được sở hữu, sử dụng các công trình xây dựng trên diện tích đất này.

Phần nhà, đất chia cho bà Ngô Thị Minh, chị Trần Bích Ngọc, chị Trần HuyềnTrang, cháu Trần Kim Thu có tổng giá trị là: 1.098.050.500 đồng *(một tỷ, không trăm chín tám triệu, không trăm năm mươi ngàn, năm trăm đồng).* So với kỷ phần được hưởng còn dư ra là 56.518.500 đồng *(năm mươi sáu triệu, năm trăm mười tám ngàn, năm trăm đồng)* bà Ngô Thị Minh, chị Trần Bích Ngọc, chị Trần HuyềnTrang, cháu Trần Kim Thu (do bà Minh đại diện) phải thanh toán lại cho các bà Trần Thị Thoa, bà Trần Thị Hạnh, bà Trần Thị Thảo.

7.2. Phần diện tích đất còn lại là 37,8 m2 (giới hạn bởi các điểm: 1', 2, 3, 3', 1' trên sơ đồ kèm theo bản án) và toàn bộ các công trình xây dựng trên diện tích đất này có tổng giá trị là 2.026.546.000 đồng (*hai tỷ không trăm hai sáu triệu, năm trăm bốn sáu đồng)* chia cho các bà Trần Thị Thoa, bà Trần Thị Hạnh, bà Trần Thị Thảo được quyền sở hữu, sử dụng.

So với kỷ phàn ba bà được hưởng còn thiếu 56.518.500 đồng *(năm mươi sáu triệu, năm trăm mười tám ngàn, năm trăm đồng)* sẽ được nhận do bà Ngô Thị Minh, chị Trần Bích Ngọc, chị Trần HuyềnTrang, cháu Trần Kim Thu (do bà Minh đại diện) phải thanh toán.

8. Bà Trần Thị Thoa, bà Trần Thị Hạnh, bà Trần Thị Thảo phải tự tạo hệ thống điện, nước mới trên phần nhà, đất mình được chia và có trách nhiệm chuyển hệ thống điện, nước hiện có sang phàn nhà, đất chia cho bà Minh, chị Ngọc, chị Trang và cháu Thu.

9. Bà Trần Thị Thoa, bà Trần Thị Hạnh, bà Trần Thị Thảo phải thanh toán cho chị Ngọc giá trị phần mái tôn do chị Ngọc làm trên phần tum các bà được chia có giá trị là: 16.504.051 đồng (Mười sáu triệu, năm trăm linh tư ngàn, không trăm năm mốt đồng).

10. Ghi nhận tự nguyện của chị Ngọc đối trừ nghĩa vụ thanh toán của các bà Thoa, Hạnh, Thảo cho chị vào phần tiền mà bà Minh, chị Trang, chị Ngọc phải thanh toán lại

cho bà Thoa, bà Thảo, bà Hạnh. Đối trừ nghĩa vụ thanh toán cho nhau, bà Minh, chị Trang, chị Ngọc phải thanh toán lại cho bà Thoa, bà Thảo, bà Hạnh số tiền là: 40.014.441 đồng (*bốn mươi triệu, không trăm mười bốn ngàn, bốn trăm bốn một đồng*)

11. Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành.

12. Các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai quyền sử dụng đối với diện tích đất được chia theo quy định pháp luật.

13. Về án phí dân sự sơ thẩm:

13.1. Bà Trần Thị Thoa, bà Trần Thị Hạnh, bà Trần Thị Thảo, mỗi người phải chịu án phí là 31.774.000 đồng (*ba mươi mốt triệu, bảy trăm bảy tư ngàn đồng*).

Xác nhận bà Trần Thị Thoa đã nộp 30.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0008622 ngày 18 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, bà Trần Thị Thoa còn phải nộp tiếp 1.774.000 đồng (*một triệu, bảy trăm bảy tư ngàn đồng*).

13.2. Miễn án phí cho bà Ngô Thị Minh.

13.3. Chị Trần Bích Ngọc, chị Trần HuyềnTrang, cháu Trần Kim Thu (do bà Minh đại diện) cùng liên đới phải chịu án phí 29.000.000đồng (*hai mươi chín triệu đồng).*

14. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

15. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật để thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDTP Hà Nội;*
- *Chi cục THA DS quận Ba Đình;*
- *TAND TP.Ba Đình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thúy